

- ◆ Lộ trình cổ phần hóa các ngân hàng thương mại quốc doanh còn nhiều chông gai
- ◆ Các lợi ích cơ bản của dịch vụ thuê tài chính trong điều kiện pháp lý và kinh doanh ở Việt Nam so với tín dụng ngân hàng

Những khó khăn trong tiến trình cổ phần hoá các NHTM quốc doanh

Cổ phần hoá (CPH) các ngân hàng thương mại quốc doanh (NHTM-QD) là một giải pháp nhằm mục đích chuyển đổi các NHTM thành các tổ chức kinh doanh tín dụng thực thụ. Kể từ khi Thủ tướng ban hành Chỉ thị số 11/TTg và Quyết định 84/TTg ngày 13/5/2004 về thực hiện thí điểm CPH các DNNN trong đó có các NHTM-QD thì việc CPH hệ thống NHTM đang thu hút được sự quan tâm của nhiều đối tượng...

NGUYỄN THỊ HẢI THU
Viện khoa học tài chính

CPH - Con đường tất yếu cho các NHTM-QD

Cùng với việc CPH các DNNN, CPH các NHTM-QD đang là một xu hướng tất yếu. Về cơ bản, CPH sẽ giúp các ngân hàng huy động vốn, đáp ứng đủ yêu cầu về tăng trưởng và an toàn trong điều kiện hội nhập. Hiện nay, mức an toàn của các NHTM-QD Việt Nam đang dưới 5%, còn thấp xa so với tỷ lệ an toàn tối thiểu của quốc tế (8%). Làm thế nào để nâng dần tỷ lệ an toàn của các NHTM lên đang là vấn đề bức xúc. Tính đến thời điểm này, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã cấp bổ sung cho 4 NHTM-QD số tiền hơn 9.000 tỷ đồng, chiếm 85% kế hoạch bổ sung vốn điều lệ giai đoạn 2001-2003 đã được Chính phủ phê duyệt mà vẫn chưa đáp ứng đủ yêu cầu vốn. Muốn đáp ứng thông lệ quốc tế và đủ mức vốn thì hiện nay các NHTM-QD cần phải bổ sung thêm 13.000 tỷ đồng và đến năm 2010 cần 117.000 tỷ đồng, đây là những con số nằm ngoài khả năng của ngân sách nhà nước. CPH sẽ giảm bớt gánh nặng cho ngân sách và cũng tăng năng lực tài chính cho từng NHTM. Đối với các NHTM-QD sau khi CPH thì tỷ trọng sở hữu sẽ quyết định mức độ tự chủ trong kinh doanh của ngân hàng, trong quyết

định đầu tư và quyết định tín dụng, nhờ đó mà hệ thống ngân hàng hoạt động có hiệu quả hơn. Sẽ không còn tình trạng các dự án hoạt động kém hiệu quả nhưng do có sự bảo lãnh các khoản vay của Nhà nước nên vẫn được cấp tín dụng hay việc các DNNN và các cơ quan chủ quản đề nghị Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ can thiệp vào hoạt động tín dụng của NHTM-QD như cho vay vượt 15% vốn tự có, miễn phải thế chấp hoặc dùng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp, xoá nợ, giãn nợ... Không chỉ vậy, CPH giúp ngân hàng huy động nguồn vốn từ công chúng để phát triển và đảm bảo an toàn kinh doanh, hiện đại hoá công nghệ ngân hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh, giám đốc quyền, cải thiện mạnh mẽ năng lực điều hành và quản trị của NHTM và tạo điều kiện phát triển thị trường chứng khoán. Một khi đã chuyển sang NHTM cổ phần thì sự thiếu minh bạch trong các mục tiêu và chiến lược mà các ngân hàng theo đuổi cũng sẽ được loại bỏ. Đồng thời nó thúc đẩy các lãnh đạo ngân hàng phải làm việc vì lợi ích của cổ đông, có tinh thần trách nhiệm hơn bởi lúc này giám đốc là người làm thuê, chịu sự giám sát chặt chẽ trong điều hành hoạt động ngân hàng. Khi quyền lợi riêng gắn với quyền lợi chung thì người lao động cũng quan tâm hơn đến hiệu quả

hoạt động kinh doanh, không ngừng tiết kiệm chi phí đem lại lợi ích cho khách hàng nói riêng và cho cả nền kinh tế nói chung. Chính vì vậy, CPH là cách lựa chọn cần thiết và là xu thế chung của phát triển kinh tế thị trường.

Tiến trình CPH các NHTM-QD gặp phải những khó khăn gì?

● Khi Hội nghị Trung ương lần thứ 9 thông qua Nghị quyết cho phép tiến hành CPH trong lĩnh vực tài chính ngân hàng thì Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) đã được chọn là ngân hàng đầu tiên sẽ thực hiện CPH. Sau VCB sẽ là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Tuy nhiên, lộ trình CPH vẫn còn nhiều chông gai. Theo tinh thần của Nghị định 64/2002/NĐ-CP thì *phải xử lý xong các khoản nợ xấu DN mới được CPH*, song điều này là không phù hợp và khó có thể thực hiện được đối với các ngân hàng. Bản thân ngành ngân hàng vốn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trong xử lý nợ tồn đọng phát sinh trước ngày 31/12/2002 (khoảng 23.000 tỷ đồng) thì năm 2003 lại phát sinh thêm nhiều khoản nợ xấu khác. Năm 2003, các NHTM mới chỉ tập trung vào việc xử lý nợ nhóm II (nợ không có tài sản đảm bảo và con nợ không còn tồn tại) nhưng thực tế, nguồn để xử lý nợ nhóm II lại phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn được cấp của Chính phủ nên bản thân các ngân hàng cũng chỉ biết phải đợi mà thôi.

Trong 11 tháng đầu năm 2003, Chính phủ đã phê duyệt và xử lý đợt 2 với số tiền là 2.289 tỷ đồng (đợt 1 là 1.860 tỷ đồng). Tuy nhiên vẫn cần có thêm một đợt cấp vốn xử lý nữa thì các

NHTM mới có thể loại bỏ được nợ nhóm II ra khỏi danh mục cần xử lý. Vấn đề chủ yếu lại là nợ nhóm I (có tài sản đảm bảo) và nhóm III (không có tài sản đảm bảo, con nợ còn tồn tại), việc xử lý nợ thuộc 2 nhóm này vẫn đang gặp khó khăn. Các NHTM tỏ ra khá bị động và chịu nhiều tác động của các yếu tố khách quan. Đối với nợ nhóm I (khoảng 10.000 tỷ đồng), mặc dù có tài sản đảm bảo nhưng công tác xử lý tài sản thông qua các biện pháp bán, sử dụng, khai thác, cho thuê... vẫn còn rất chậm. Điển hình là Ngân hàng Công thương Việt Nam (ICB) có số nợ nhóm I là 7.306,8 tỷ đồng nhưng năm 2003, ICB mới chỉ xử lý được 1.520 tỷ đồng, trong đó chỉ có 620 tỷ đồng được xử lý bằng những biện pháp như rao bán, khai thác tài sản, còn 900 tỷ đồng được xử lý bằng dự phòng rủi ro. Súc mua bất động sản giám cũng làm cho việc xử lý nợ tồn đọng gặp nhiều khó khăn. Không chỉ vậy, nhiều tài sản thế chấp bảo lãnh nợ tồn đọng cần phải xử lý bằng biện pháp phát mại, song người thế chấp cũng như người bảo lãnh trầy ỳ không chịu giao tài sản cho ngân hàng xử lý. Đối với nợ nhóm III, con nợ chủ yếu là các DNNN vẫn còn hoạt động nên việc xử lý những DNNN này để thu hồi nợ lại không phải do ngân hàng quyết định mà phụ thuộc vào quá trình đổi mới, sắp xếp lại DNNN. Mặc dù NHNN đã có sự phối

hợp với Bộ Tài chính lập hội đồng thẩm định đánh giá lại các khoản nợ không có tài sản đảm bảo của các DNNN tại các NHTM QD nhưng vẫn chưa có kết quả khả quan.

● Một vấn đề đặc biệt khó khăn nữa trong tiến trình CPH các NHTM là việc *định giá tài sản* trước khi CPH do những đặc thù riêng của lĩnh vực ngân hàng. Phần lớn tài sản của các NH phụ thuộc rất lớn vào mức độ rủi ro, chính vì vậy không thể định giá như cách tính thông thường được, đặc biệt là việc định giá thương hiệu rất khó khăn. Việc xác định giá trị tài sản của ngân hàng không chỉ dựa trên giá trị sổ sách hay mệnh giá mà nó còn phải dựa trên giá trị thị trường, nghĩa là dựa trên mức độ rủi ro, tính thanh khoản và mức sinh lời dự tính. Theo ông Nguyễn Thanh Bình, nguyên Vụ trưởng Vụ các ngân hàng, thì VCB chỉ có 3.000 tỷ đồng vốn điều lệ nhưng trong đó có tới gần nửa là trái phiếu đặc biệt của Bộ Tài chính phát hành chỉ có giá trị trên danh nghĩa, trong khi đó nếu nợ quá hạn không thu hồi được ở mức 5% trên tổng số cho vay khoảng 100.000 tỷ đồng thì tài sản của VCB hiện đang bị âm, tức là không thể phát hành trái phiếu chuyển đổi và phát hành cổ phiếu được. Tuy vậy, bà Nguyễn Thu Hà, Phó Tổng giám đốc VCB không đồng tình với quan điểm trên. Theo bà, thì VCB với gần 40 năm hoạt động, chất lượng dịch vụ có uy tín

không chỉ ở trong nước mà cả ở nước ngoài cùng với đội ngũ nhân viên có năng lực, kinh nghiệm và được đào tạo cơ bản chính là giá trị vô hình khổng lồ nên nhất thiết phải được tính vào tài sản của ngân hàng. Không chỉ vậy, cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là trụ sở và mạng lưới giao dịch kinh doanh của ngân hàng này đều nằm ở vị trí đẹp, trung tâm, thuận tiện kinh doanh tại các thành phố, thị xã, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị mới trong cả nước, được đầu tư khang trang. Những tài sản này có giá trị lớn hơn rất nhiều so với giá trị trên sổ sách. Tài sản của VCB có thể là bao nhiêu phụ thuộc vào cách xác định giá trị DNNN khi tiến hành CPH. Đây cũng chính là một trong những vướng mắc lớn nhất trong quá trình CPH NHTM, mà nếu vấn đề này không được giải quyết, xúc tiến nhanh thì tiến trình CPH cũng không thể tiến hành đúng như kế hoạch được. Do đó việc định giá tài sản của các ngân hàng nên dựa vào một tổ chức có uy tín trong nước kết hợp với việc lựa chọn công ty tư vấn định giá nước ngoài để có thể có kết quả chính xác với thời gian nhanh nhất.

● *Những vướng mắc từ các thông tư* cũng đang làm cho CPH thêm phần rắc rối. Phải nói rằng khung pháp lý chưa hoàn thiện và chưa phù hợp với việc CPH các NHTMQD. Thông tư số 79/2002/TT- BTC về hướng dẫn xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển sang thành lập công ty cổ phần quy định nhiều điểm không phù hợp với đặc điểm của hệ thống ngân hàng, nhất là đối với việc phân loại đánh giá và xác định chất lượng các khoản vay và đầu tư của ngân hàng. Bên cạnh đó, theo quy định trong Thông tư số 76/2002/TT-BTC thì mức chi phí tối đa cho việc thực hiện chuyển đổi không quá 500 triệu đồng, trong khi CPH các NHTMQD đòi hỏi chi phí tương đối lớn nếu phải thuê kiểm toán nước ngoài tư vấn và định giá tài sản. Vấn đề ở đây không phải là thiếu các văn bản pháp quy liên quan tới CPH DNNN mà là do đặc thù của hệ thống ngân hàng nên còn có nhiều điểm chưa thực sự phù hợp. Vì vậy cần xử lý hài hoà các lợi ích Nhà nước, lợi ích của ban lãnh đạo

● **Tiếp theo tr. 36**

hoàn) ghi:

- Nợ TK 133 - Thuế GTGT được hoàn 100
- Có TK 132 - Thuế GTGT được khấu trừ 100
- Sau đó, khi nhận được tiền hoàn thuế GTGT (theo chúng tôi: 100) ghi:
- Nợ TK 111, 112... 100
- Có TK 133 - Thuế GTGT được hoàn 100

Bảng 4 tài khoản sử dụng trong vòng 10 ngày đầu các tháng, DN căn cứ vào các TK để kê khai tờ khai thuế GTGT một cách dễ dàng. Hơn nữa, tại mọi thời điểm, nhất là sau ngày 25 các tháng, DN có thể nhìn trên Tài khoản 333 - sửa đổi để biết ngay số

thuế còn nợ và sẽ phải chịu phạt nộp chậm theo Luật định, số này sẽ luôn khớp đúng với số trên sổ thuế của cơ quan thuế. Giá sử Nhà nước quy định cơ quan thuế áp dụng kế toán kép với tài khoản "Thuế phải thu" thì nó chính là tài khoản tổng hợp, khớp đúng tại mọi thời điểm với tất cả các Tài khoản 333 của DN cộng lại. Đối với việc khấu trừ, hoàn thuế, nhờ có thêm Tài khoản 133 - "Thuế GTGT được hoàn" mà bảo đảm cho tài khoản này và Tài khoản 132" Thuế GTGT được khấu trừ" chỉ có dư nợ, hơn nữa việc khấu trừ ở Tài khoản 132 luôn luôn chính xác, việc theo dõi hoàn thuế được chặt chẽ, riêng biệt, bảo đảm đồng bộ báo cáo tài chính - thuế tại DN với báo cáo thuế tại cơ quan thuế. ☺

Một số quan điểm về cổ phần hoá ngân hàng thương mại Nhà nước

TS. **NGUYỄN ĐẮC HUNG**
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Trong thời gian gần đây các nhà lập chính sách, điều hành vĩ mô, các nhà nghiên cứu và dư luận hết sức quan tâm đến vấn đề cổ phần hoá ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTMNN). Sự quan tâm đó là hoàn toàn có cơ sở, bởi vì 5 NHTMNN hiện đang chiếm 76% thị phần huy động vốn, trên 73% thị phần cho vay, nắm giữ một khối lượng lớn tài sản nhà nước... Các ngân hàng này đang hoạt động kinh doanh có hiệu quả, hàng năm nộp hàng nghìn tỷ đồng cho NSNN, lợi nhuận đạt khá. Theo kế hoạch, trước tiên sẽ cổ phần hoá Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long, tiếp theo đó có thể là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam...

Cần phải khẳng định rằng, doanh

nh nghiệp cổ phần là một mô hình tối ưu, một "sản phẩm văn minh" của nền kinh tế thị trường, đang thịnh hành tại hầu hết các nền kinh tế trên thế giới. Với sự giám sát của các nhà đầu tư qua việc niêm yết cổ phiếu của công ty trên thị trường chứng khoán, cũng như tính nhạy cảm của các nhà đầu tư về tính hiệu quả, tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh của công ty, mô hình này giảm thiểu được tình trạng trì trệ, hoạt động kém hiệu quả, tham nhũng và các tiêu cực khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Việt Nam phát triển nền kinh tế thị trường theo xu hướng hội nhập, thì dứt khoát phải phát triển mạnh các công ty cổ phần, phát triển thị trường chứng khoán. Hệ thống NHTMNN cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra khi tiến hành cổ phần hoá NHTMNN là xác định giá trị

doanh nghiệp như thế nào để khỏi thiệt hại cho NSNN, phát hành cổ phiếu ra sao, Nhà nước nên nắm giữ tỷ lệ cổ phần bao nhiêu trong mỗi ngân hàng, nên cho phép nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ tối đa bao nhiêu phần trăm cổ phiếu?

Về mức độ cổ phần hoá

Sẽ cổ phần hoá tất cả 5 NHTMNN. Tuy nhiên không phải là tiến hành đồng thời cùng một lúc mà có ngân hàng tiến hành trước, có ngân hàng tiến hành sau. Trong đó, tùy từng ngân hàng mà Nhà nước nắm giữ tỷ lệ cổ phần tối đa là bao nhiêu, nhưng luôn đảm bảo quyền chi phối, điều hành, tức là tối thiểu 51%, tối đa khoảng 60 - 65%. Vì vậy, theo chúng tôi, nên giữ nguyên số vốn của Nhà nước hiện nay trong các NHTM, phát hành cổ phiếu trong dân chúng bổ sung cho đủ tỷ lệ an toàn vốn

ngân hàng và lợi ích của cổ đông, người lao động làm việc tại ngân hàng, hoặc phải sửa đổi bổ sung các nghị định về CPH, quy định thực hiện thí điểm hay có những quy định riêng để việc CPH các NHTMQD diễn ra suôn sẻ hơn.

VCB là ngân hàng đầu tiên tiến hành CPH và hiện vẫn đang còn có nhiều vấn đề cần phải bàn. Đã có nhiều cuộc họp giữa VCB và NHNN về nội dung CPH ngân hàng này nhưng chính bản thân VCB nhiều khi cũng tỏ ra khá lúng túng trong việc chọn một hướng đi thích hợp. Nhà nước giữ bao nhiêu phần trăm vốn, xác định giá trị doanh nghiệp thế nào, phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra sao... đang thu hút sự quan tâm của nhiều người. Theo dự kiến trong đề án CPH, VCB sẽ không phát hành ngay cổ phiếu phổ thông rộng rãi cho mọi thành phần kinh tế có điều kiện mua cổ phần mà tiến hành

CPH theo 2 bước: phát hành cổ phiếu ưu đãi (trái phiếu chuyển đổi) để huy động thêm vốn điều lệ, sau mới thực hiện phát hành cổ phiếu phổ thông dựa trên cơ sở đề án chi tiết. Việc phát hành cổ phiếu ưu đãi của VCB sẽ được thực hiện vào cuối năm nay, trước mắt VCB sẽ phát hành một lượng cổ phiếu ưu đãi có giá trị bằng 1/3 số vốn tự có và đợt I dự kiến phát hành lượng cổ phiếu có giá trị 1.000 tỷ đồng. Chào bán cổ phiếu ưu đãi cho các tổ chức tín dụng nước ngoài bao nhiêu để đủ sức hấp dẫn và cả việc chuyển đổi từ cổ phiếu ưu đãi sang cổ phiếu thường khi VCB thực hiện CPH cũng đang là vấn đề cần bàn tính kỹ lưỡng. Thông thường các DNNN khi tiến hành CPH sẽ ưu tiên bán cổ phiếu cho những nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực tài chính, kinh nghiệm quản lý... Vậy đối với VCB thì nên lựa chọn các đối tác là các ngân hàng mạnh như Citibank, HSBC...

hay các tổng công ty lớn của Nhà nước bởi sự tham gia của các cổ đông này khiến Nhà nước không cần giữ cổ phần chi phối mà vẫn tác động được tới điều hành của ngân hàng sau CPH? Đó không chỉ là vấn đề riêng của VCB mà là của tất cả các NHTMQD khi tiến hành CPH. Có thể tùy từng ngân hàng mà Nhà nước sẽ nắm giữ cổ phần tối đa khác nhau nhưng vẫn luôn đảm bảo quyền chi phối, cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua cổ phần nhưng tỷ lệ không quá 30%, như vậy có thể cho phép chuyển giao công nghệ ngân hàng hiện đại và kỹ năng quản trị ngân hàng tiên tiến.

Dù còn nhiều khó khăn nhưng CPH các NHTM vẫn là công việc tất yếu bởi nó phù hợp với chủ trương CPH của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời cũng đáp ứng yêu cầu mở cửa thị trường dịch vụ tài chính khi chúng ta tham gia vào hội nhập kinh tế quốc tế. 